TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 137/2024/QĐST-HNGĐ	*Pleiku, ngày 16 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 192/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Trần Quốc C, sinh năm 1979. Địa chỉ: 480 đường L, Tổ 2 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.;
- Tạ Thị Lan M, sinh năm 1982. Địa chỉ: 480 đường L, Tổ 2 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Chị Tạ Thị Lan M và anh Trần Quốc C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; đăng ký kết hôn tại UBND phường I, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày …/../2002.

Quá trình chung sống, chị M và anh C đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Chị Tạ Thị Lan M và anh Trần Quốc C có 02 con chung là Trần Hoàng Uyên N, sinh ngày 22/02/2004 và Trần Hoàng H, sinh ngày 17/6/2010. Ly hôn chị M và anh C thống nhất giao con chung là Trần Hoàng H, sinh ngày 17/6/2010 cho anh Trần Quốc C được trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với con chung Trần Hoàng Uyên N, sinh ngày 22/02/2004 đã thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên chị M và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C đủ điều kiện kinh tế nuôi con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng, nên chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Hoàng H.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Tạ Thị Lan M và anh Trần Quốc C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Tạ Thị Lan M và anh Trần Quốc C phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Chị M tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm.

[5] Việc chị Tạ Thị Lan M và anh Trần Quốc C cùng yêu cầu ly hôn, không yêu cầu chia tài sản và đã thỏa thuận việc trong nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có đủ căn cứ để công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tạ Thị Lan M và anh Trần Quốc C.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Lan M và anh Trần Quốc C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Tạ Thị Lan M và anh Trần Quốc C có 02 con chung là Trần Hoàng Uyên N, sinh ngày 22/02/2004 và Trần Hoàng H, sinh ngày 17/6/2010.

Đối với con chung Trần Hoàng Uyên N, sinh ngày 22/02/2004 đã thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên chị M và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung là Trần Hoàng H, sinh ngày 17/6/2010 cho anh Trần Quốc C được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C đủ điều kiện kinh tế nuôi con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng, nên chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Hoàng H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Tạ Thị Lan M và anh Trần Quốc C tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, chị Tạ Thị Lan M và anh Trần Quốc C mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Chị M tự nguyện chịu lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 000001100221 ngày 5 tháng 4 năm 2024 của Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam (*Thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia*) và Biên lai thu tiền số: 0001098 ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị M đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- UBND phường I, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai (Giấy CNKH số 56 ngày …/../2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài Thơ